TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày: 04-5-2022.

"V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Hai;

2. Ông Nguyễn Chí Công.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Huỳnh Phát Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Phan Bích Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021, "V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-DS ngày 13/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Nữ Thanh T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà 271C, ấp Hưng Mỹ T, xã L, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 143/TLB, ấp B, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn Bé E, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 143/TLB, ấp B, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T, bà L và ông Bé E đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Nữ Thanh T trình bày:

Trước đây, bà T có tham gia chơi 01 dây hụi với tư cách là hụi viên do bà L làm chủ hụi cụ thể như sau: Hụi khui ngày 10/8/2019 dương lịch, giá hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui hụi một lần, gồm có 20 phần, bà T tham gia chơi 02 phần, hụi mãn ngày 10/3/2021. Dây hụi này, bà T chưa hốt hụi và đóng được 18 lần, mỗi lần đóng 1.540.000 đồng/01 phần, tổng cộng là 55.440.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*). Chủ hụi hưởng huê hồng mỗi lần khui hụi là 800.000 đồng.

Sau khi bà L thu tiền hụi tháng 01/2021, bà L tuyên bố bể hụi và không có khả năng chi trả đến nay. Nay bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng liên đới trả lại cho bà T số tiền hụi đã đóng là 55.440.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*), không yêu cầu trả lãi.

Ngày 07/12/2021, bà T có nộp cho Tòa án bản tường trình yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lai Vung chuyển hồ sơ cho Cơ quan công an huyện Lai Vung để điều tra hành vi phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị L.

Ngày 05/4/2022, bà T có nộp cho Tòa án văn bản không đồng ý hòa giải và yêu cầu Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng liên đới trả lại cho bà T số tiền hụi đã đóng là 55.440.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*), không yêu cầu trả lãi và yêu cầu trả một lần.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị L trình bày:* Bà L thừa nhận đúng như lời trình bày của nguyên đơn là bà L có làm chủ hụi và còn nợ tiền 01 dây hụi cụ thể như sau:

Hụi khui ngày 10/8/2019 dương lịch, giá hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui hụi một lần, gồm có 20 phần, bà T tham gia chơi 02 phần, hụi mãn ngày 10/3/2021. Dây hụi này, bà T chưa hốt hụi và đóng được 18 lần, mỗi lần đóng 1.540.000 đồng/ 01 phần, tổng cộng là 55.440.000 đồng (Năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Bà L thống nhất cùng ông Võ Văn Bé E liên đới trả cho bà Phạm Nữ Thanh T số tiền nợ hụi là 55.440.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) và đề nghị bà T cho bà L thời gian từ từ để bà L làm việc có tiền trả nợ và bán được đất trả nợ. Vì hiện nay, bà L không có tiền để trả lại tiền hụi cho bà T.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Bé E trình bày:*

Ông Bé E với bà Trần Thị L là vợ chồng, ông thống nhất với trình bày của bà L, ông biết việc bà L làm chủ hụi và nợ tiền hụi của các hụi viên. Ông Bé E

đồng ý cùng bà L liên đới trả tiền nợ hụi cho bà T số tiền là 55.440.000 đồng. Ông đề nghị bà T cho thời gian để ông cùng với bà L làm việc có tiền trả nợ và đợi bán đất lấy tiền trả nợ.

- Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách đương sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên toà.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi theo biên nhận hụi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng hụi" theo quy định tại 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Nữ Thanh T đối với bà Trần Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn bà Phạm Nữ Thanh T với bị đơn bà Trần Thị L được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có đủ năng lực pháp luật và năng luật hành vi dân sự phù hợp với Điều 116,117 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đây là hợp đồng hợp pháp. Sau khi bà T đã góp hụi sống các dây hụi do bà L làm chủ nhưng chưa tới thời gian mãn hụi thì bà L đã tuyên bố bể hụi, không còn khả năng trả tiền nợ hụi mà bà T đã góp trước đó. Vì vậy, bà L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã giao kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Ngày 11/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã ban hành công văn số 05/CV-TA yêu cầu Công an huyện Lai Vung xác minh, làm rõ hành vi của bà Trần Thị L có dấu hiệu phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (thông qua hình thức hụi) theo yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Nữ Thanh T hay không? Ngày 07/3/2022, Công an huyện Lai Vung đã có công văn số 172/TL-ĐTTH trả lời phúc đáp công văn số 05/CV-TA của Tòa án là hành vi của bà Trần Thị L không có dấu hiệu của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào giấy ghi xác nhận nợ tiền hụi do bà Trần Thị L tự viết xác nhận còn nợ tiền hụi của bà T số tiền là 55.440.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) có chữ ký tên và ghi họ tên của bà Trần Thị L được nguyên đơn bà Phạm Nữ Thanh T cung cấp và đã được Tòa án công khai chứng cứ sao chụp cho bị đơn Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn Bé E. Bà L và ông Bé E thừa nhận đây là giấy xác nhận nợ tiền hụi do bà Trần Thị L tự viết, ký tên và ghi họ tên. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà L và ông Bé E đồng ý trả cho bà T số tiền 55.440.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) nhưng đề nghị bà T cho bà L thời gian từ từ để bà L làm việc có tiền trả nợ cũng như khi bán được đất lấy tiền trả nợ và yêu cầu này không được bà T chấp nhận. Do đó, bà T yêu cầu bà Trần Thị L trả lại cho bà T số tiền hụi đã đóng 55.440.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 280, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của bà Phạm Nữ Thanh T về việc yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới giữa bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E, Hội đồng xét xử xét thấy: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Bé E là chồng của bị đơn không trực tiếp giao dịch góp hụi của nguyên đơn, nhưng ông Bé E biết việc bà L làm chủ hụi, tham gia góp hụi và tiền hụi dùng để sử dụng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông Bé E thống nhất với trình bày của bà L. Ông Bé E đồng ý cùng bà L liên đới trả tiền nợ hụi cho bà T số tiền là 55.440.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E chịu trách nhiệm liên đới đối với số tiền nợ hụi 55.440.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét lời phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 280 và Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Nữ Thanh T.

Buộc bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Nữ Thanh T số tiền nợ hụi là 55.440.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Buộc bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có trách nhiệm liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.772.000 đồng (*Hai triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) (Chưa nộp).

- Bà Phạm Nữ Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.386.000 đồng (*Một triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005843 ngày 11/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 04/5/2022.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng